

Số: 11/2022/QĐST-HNGĐ

*Liên Chiểu, ngày 04 tháng 3 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*\*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Lê Ngọc H – sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 17B, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị D – Sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ 17B, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị D kết hôn với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Khánh B, quận Liên Ch, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị D về sống tại tổ 17B, phường Hòa Khánh B, quận Liên Ch, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, ông H và D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Do đó, ông H và D đề nghị Tòa án giải quyết cho được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông H và D đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Huy

và Duyên.

[2] Về con chung: Ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị D xác định có 01 con chung Lê Ngọc Nhã Uyên – Sinh ngày 12.7.2016. Ông H và bà D thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi 18 tuổi, ông Lê Ngọc H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian thực hiện nghĩa cấp dưỡng kể từ ngày 15.3.2022 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi).

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị D xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị D xác định không có nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị D chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị D thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2016 ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

1.2 *Về quan hệ con chung*: Ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị D xác định có 01 con chung Lê Ngọc Nhã U– Sinh ngày 12.7.2016. Ông H và bà D thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Ông Lê Ngọc H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu, năm trăm ngàn đồng*). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày 15.3.2022 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi).

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

1.3 *Về tài sản chung*: Ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị D xác nhận không có.

1.4 *Về nợ chung*: Ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị D xác nhận không có.

2. Về lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị D phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000257 ngày 17.02.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Khánh B, quận Liên Ch, thành phố Đà Nẵng;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trương Thị Hồng Thủy**